TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 – 7 – 2025.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Đức.

2. Ông Trịnh Văn Hưng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng

Đại diện viện kiểm sát nhân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân , kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị N , sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh H (nay là xã T, thành phố H). Căn cước công dân số 030222004XXX.

- Bị đơn: Anh Lê Đức T , sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh H (nay là xã T, thành phố H). Căn cước công dân số: 030202002XXX.

(Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn, chị Tạ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tạ Thị N và anh Lê Đức T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Tỳ, tỉnh H (nay là xã T, thành phố H) ngày 16/5/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại

nhà bố mẹ anh T tại thôn B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tập trung kinh tế, anh T là người thiếu trách nhiệm với gia đình, không chăm lo gia đình nên vợ chồng thường xảy ra bất hòa. Tháng 3/2024, Chị N về nhà cha mẹ ruột của chị sống cho đến nay. Vợ chồng ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Tạ Thị N và anh Lê Đức T có một con chung là Lê Anh Q, sinh ngày 07/6/2022, hiện đang do chị N nuôi dưỡng. Sau ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị N tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Vợ chồng không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn và đã triệu tập bị đơn đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả làm việc với Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể xã Quang Phục, trưởng thôn B thể hiện: Anh Lê Đức T và chị Tạ Thị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T , tỉnh H (nay là xã T, thành phố H) ngày 16/5/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống tại nhà của anh T. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Khoảng hơn 01 năm trước, Chị N và con đã về nhà bố mẹ đẻ của chị tại huyện N sống. Anh T sống tại địa phương. Vợ chồng không còn chung sống với nhau. Anh T và chị N có một con chung là cháu Lê Anh Quân, sinh ngày 07/6/2022, hiện do chị N nuôi dưỡng. Nay chị N đề nghị ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh T tại Tòa án. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho con chung của anh, chị.

Kết quả làm việc với bà Nguyễn Thị D (mẹ đẻ anh T) thể hiện: Anh T và chị N sau một thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung với bà tại nhà. Vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó có xảy ra mâu thuẫn, đôi khi xảy ra xô xát nhỏ. Tháng 03/2024, chị N về nhà bố mẹ đẻ của chị sống và vợ chồng sống ly thân với nhau. Anh T hiện nay đi làm lái xe, sáng đi tối muộn mới về. Khi Tòa án gởi các thông báo của Tòa về, bà có thông báo lại với anh T nhưng anh T có quan điểm là không đến Tòa. chị N và anh T có một con chung là Lê Anh Q , sinh ngày 07/6/2022, hiện đang sống với chị Ninh. Nay chị N xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Trung, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N .

Kết quả làm việc với bà Vũ Thị M (mẹ đẻ chị N) thể hiện: Anh T và chị N sau một thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống tại nhà của anh T tại thôn B. Vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Tháng 03/2024, chị N về nhà bà tại xã H sống và sống ly thân với anh T cho đến nay. chị N và anh T có một con chung là Lê Anh Q , sinh ngày 07/6/2022, hiện đang sống với chị N . Nay chị N xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Trung, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N để chị N sớm ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ quan điểm xin ly hôn với anh T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N , xử cho chị N được ly hôn với anh T ; Giao con chung Lê Anh Q , sinh ngày 07/6/2022 cho Chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Tạ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Đức T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, chị Tạ Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị Tạ Thị N và anh Lê Đức T tự nguyện kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân xã Q , huyện T , tỉnh H (nay là xã T, thành phố H) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2022 nên hôn nhân giữa Chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của chị N, bà M (mẹ đẻ chị N), bà D (mẹ đẻ của anh T), kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng Chị N và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, thường xuyên xảy ra bất hòa, đôi khi xảy ra xô xát, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị N đã về nhà bố mẹ đẻ của chị sống và vợ chồng anh T và chị N đã không chung sống với nhau từ tháng 02/2024. Đối với anh Trung, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh T không đến, cũng không có văn bản ý kiến thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu của chị N mặc dù anh có mặt tại địa phương. Qua đó, cho thấy anh T biết việc chị N yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh bỏ mặc, không quan tâm, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không mong muốn đoàn tụ tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình cùng với chị N . Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N , xử cho chị N được ly hôn với anh T .

[3] Về con chung: Chị Tạ Thị N và anh Lê Đức T có một con chung là Lê Anh Q , sinh ngày 07/6/2022. Chị N xác định từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Lê Anh Q chỉ mới hơn 03 tuổi, cháu còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện nay cháu đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định. Đối với anh Tc, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với đề nghị nuôi con của chị N . Do đó, nhằm đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, tiếp tục giao cháu Lê Anh Quân cho chị Tạ Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tạ Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tạ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về …án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ……án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thị N . Xử cho chị Tạ Thị N được ly hôn với anh Lê Đức T.

[2] Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Lê Anh Q , sinh ngày 07/6/2022 cho chị Tạ Thị N nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) (con chung đang sống cùng với chị Ninh). Chấp nhận sự tự nguyện của Chị N về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Tạ Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0002276 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hải Phòng).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- UBND xã T, TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như